

Các công ước quốc tế về lao động trẻ em và những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam : Luận văn

ThS. Luật: 60 38 60 / Nguyễn Hoàng Phương ;

Nghd. : TS. Nguyễn Hồng Bắc

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

LĐTE là một vấn đề rất phức tạp, do đó đây là vấn đề được quan tâm của các quốc gia trên thế giới. Ở nước ta, việc nghiên cứu chính sách bảo vệ trẻ em mới được đặt ra nên chưa có một công trình nghiên cứu chuyên sâu về vấn đề LĐTE mà chỉ có ở một số đề tài khoa học nghiên cứu về quyền trẻ em, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn... Vì thế, trước yêu cầu cấp thiết của công tác hoạch định chính sách, xây dựng pháp luật về vấn đề LĐTE, tôi chọn đề tài “Các công ước quốc tế về LĐTE và những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam” - một vấn đề có ý nghĩa quan trọng trong chính sách bảo vệ trẻ em của nước ta để nghiên cứu với mong muốn góp phần làm sáng tỏ về lý luận và thực tiễn chính sách bảo vệ trẻ em nói chung, chính sách đối với LĐTE nói riêng làm đề tài luận văn thạc sỹ luật học.

2. Mục đích, phạm vi nghiên cứu của đề tài

Mục đích nghiên cứu: Luận văn được nghiên cứu với mục đích làm sáng tỏ:

- Những vấn đề lý luận cơ bản về trẻ em và LĐTE.
- Làm sáng tỏ nội dung cơ bản của các công ước quốc tế về LĐTE, đồng thời phân tích những thuận lợi, khó khăn đối với Việt Nam khi tham gia các công ước quốc tế này.
- Đánh giá thực trạng LĐTE, pháp luật LĐTE ở Việt Nam từ khi phê chuẩn công ước quốc tế về LĐTE từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật Việt Nam về LĐTE trong điều kiện hội nhập quốc tế.

Phạm vi nghiên cứu:

Đây là một đề tài tương đối rộng nên không thể nghiên cứu được tất cả các vấn đề liên quan đến LĐTE. Do vậy, đề tài chỉ tập trung nghiên cứu về hai công ước quốc tế về LĐTE đó là: Công ước số 138 của tổ chức lao động quốc tế về tuổi tối thiểu làm việc và Công ước số 182 của tổ chức lao động quốc tế về nghiêm cấm và hành động khẩn cấp xoá bỏ các hình thức LĐTE tồi tệ nhất. Khi đánh giá thực trạng LĐTE, luận văn chỉ tập trung nghiên cứu tình hình LĐTE từ năm 2000 đến nay ở một số thành phố lớn là Hà Nội, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh ... là những địa phương thu hút nhiều LĐTE. Đồng thời, khi phân tích về LĐTE, luận văn chỉ phân tích về LĐTE mà không đề cập đến vấn đề trẻ em tham gia làm việc.

3. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trước đây, đã có một số công trình nghiên cứu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban Dân số - Gia đình và Trẻ em (nay là Cục Bảo vệ, chăm sóc trẻ em, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội), công trình nghiên cứu của các nhà khoa học về LĐTE như, công trình nghiên cứu của Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về “các hình thức LĐTE tồi tệ nhất”, công trình nghiên cứu của tác giả Vũ Ngọc Bình về “vấn đề LĐTE”, công trình nghiên cứu của tác giả Đỗ Thị Loan về “thực trạng LĐTE trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh”, công trình nghiên cứu của tác giả Trần Văn Thắng về “quyền trẻ em” ... Tuy nhiên, đây chỉ là những nghiên cứu mang tính chất chuyên đề, hoặc chỉ dừng lại ở phạm vi một địa phương, hoặc nghiên cứu ở tầm vi mô, chưa nghiên cứu một cách có hệ thống toàn bộ thực trạng LĐTE, pháp luật LĐTE, chưa đưa ra các giải pháp mang tính khả thi, phù hợp nhằm ngăn chặn việc sử dụng LĐTE... Vì vậy, việc nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về vấn đề LĐTE từ đó đề xuất những kiến nghị để bảo vệ quyền trẻ em nói chung, quyền trẻ em tham gia lao động nói riêng là rất cần thiết.

4. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện đề tài, luận văn sử dụng phương pháp nghiên cứu duy vật biện chứng, phương pháp thống kê, phương pháp phân tích, so sánh.

6. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn được kết cấu thành ba chương:

Chương 1 - Một số vấn đề chung về LĐTE và các công ước quốc tế về LĐTE.

Chương 2 - Thực trạng vấn đề LĐTE ở Việt Nam và những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam khi tham gia các công ước quốc tế về LĐTE trong điều kiện hội nhập quốc tế.

Chương 3 - Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật Việt Nam về LĐTE trong điều kiện hội nhập quốc tế.

Chương 1 - MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LAO ĐỘNG TRẺ EM VÀ CÁC CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ VỀ LAO ĐỘNG TRẺ EM

1.1. Khái niệm trẻ em, LĐTE và pháp luật về trẻ em

1.1.1. Trẻ em

Trẻ em có nghĩa là người dưới 18 tuổi, trừ trường hợp luật pháp áp dụng với trẻ em đó quy định tuổi thành niên sớm hơn.

1.1.2. Lao động trẻ em

Lao động trẻ em là thuật ngữ chỉ tình trạng trẻ em (những người dưới 18 tuổi) phải trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia làm những công việc nặng nhọc, độc hại hay nguy hiểm, ảnh hưởng xấu đến sự phát triển về thể lực, trí tuệ, tinh thần, đạo đức và xã hội của trẻ; hoặc phải làm việc quá nhiều hay ở độ tuổi quá nhỏ, khiến các em không có thời gian cần thiết để học tập và vui chơi.

1.1.3. Pháp luật về trẻ em

Sự điều chỉnh pháp luật về trẻ em là một bộ phận của sự điều chỉnh pháp luật nói chung, bao gồm tổng thể các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành và đảm bảo thực hiện nhằm điều chỉnh những quan hệ xã hội liên quan đến trẻ em.

1.2. Những vấn đề chung về LĐTE

1.2.1. Các hình thức của LĐTE

- Việc đi ở
- Lao động cưỡng bức và lao động cầm cố
- Bóc lột tình dục vì mục đích thương mại
- Công việc trong công nghiệp và đồn điền
- Công việc trên đường phố
- Làm việc tại nhà

- Công việc của trẻ em gái

1.2.2. Nguyên nhân của tình trạng LĐTE

- Thứ nhất, xuất phát từ các yếu tố về kinh tế
 - Yếu tố kinh tế gắn với các gia đình của trẻ em
 - Yếu tố kinh tế gắn với lợi ích của người sử dụng lao động
 - Yếu tố kinh tế xã hội
- Thứ hai, là các yếu tố về xã hội - văn hoá
 - Quan niệm lạc hậu về vấn đề LĐTE
 - Định kiến giới
 - Yếu tố việc làm
 - Sự yếu kém của nền giáo dục
 - Tác động của hệ thống an sinh xã hội
- Thứ ba, là các yếu tố chính trị - pháp lý

Hậu quả của tình trạng trẻ em phải lao động sớm

Qua phân tích có thể thấy, có nhiều nguyên nhân dẫn tới tình trạng LĐTE, và tình trạng trẻ em lao động sớm sẽ dẫn đến những hậu quả sau:

- Một là, mối nguy hại các em phải gánh chịu
 - Bệnh tật và sự kém phát triển về thể chất
 - Khủng hoảng về tinh thần, lệch lạc về nhân cách, kém phát triển về trí tuệ
- Hai là, hậu quả đối với gia đình và xã hội

1.3. Các công ước quốc tế về LĐTE

1.3.1. Vai trò và hoạt động của tổ chức lao động quốc tế (ILO) trong việc xây dựng các công ước quốc tế về LĐTE

Kể từ khi thành lập (1919), tính đến tháng 2 năm 2007, ILO đã thông qua 187 Công ước và 197 Khuyến nghị, trong đó có 08 Công ước được coi là các Công ước cơ bản, điều chỉnh bốn nhóm quyền và nghĩa vụ cơ bản tại nơi làm việc, đó là: Loại bỏ mọi hình thức lao động cưỡng ép hoặc bắt buộc; xóa bỏ tình trạng LĐTE và đặt ưu tiên hàng đầu là loại trừ những hình thức lao động tồi tệ nhất; tạo cơ hội công bằng và chống phân biệt đối xử về việc làm; tự do liên kết và quyền được thương thuyết tập thể.

Cũng trong số các Công ước và khuyến nghị do ILO ban hành, có khoảng 30 văn kiện đề cập đến việc bảo vệ trẻ em khỏi các hình thức bóc lột và lạm dụng sức lao động, trong đó có hai Công ước và một Khuyến nghị cơ bản trực tiếp đề cập đến vấn đề ngăn ngừa, cấm và xóa bỏ LĐTE và loại trừ những hình thức lao động tồi tệ nhất, đó là Công ước về Tuổi tối thiểu, 1973 (được gọi là Công ước 138); Công ước

về cấm và những hành động tức thời để loại bỏ những hình thức LĐTE tồi tệ nhất, 1999 (được gọi là Công ước 182) và Khuyến nghị về loại bỏ những hình thức LĐTE tồi tệ nhất, 1999 (được gọi là Khuyến nghị 190).

1.3.2. Sự cần thiết nghiên cứu các công ước của tổ chức lao động quốc tế về LĐTE

Lao động trẻ em là một vấn đề nhức nhối trên thế giới trong cả thế kỷ qua. Những nỗ lực đầu tiên là trong thời kỳ công nghiệp hóa ở Mỹ và châu Âu đầu thế kỷ 20. Cùng với hoạt động của tổ chức lao động quốc tế ILO, nhiều luật lệ và quy định đã ra đời để hạn chế tình trạng lao động trẻ em, cải thiện điều kiện làm việc, chăm sóc sức khỏe của những lao động trẻ em. Vì vậy, cần sớm nghiên cứu và cần rất nhiều chính sách sâu rộng hơn nữa để bảo hộ cho người nghèo, để giữ học sinh ở lại trường học và bảo vệ trẻ em. Vì các em chính là tương lai của đất nước.

1.3.3. Các công ước của tổ chức lao động quốc tế về LĐTE

1.3.3.1. Vai trò của các điều ước quốc tế về LĐTE đối với Việt Nam

Cũng như các quốc gia khác, Việt Nam tham gia và thực thi các điều ước quốc tế dựa trên nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế (*pacta sunt servanda*) về tự nguyện thực hiện các cam kết quốc tế và trên cơ sở có đi có lại, vì hòa bình, ổn định và phát triển trong khu vực và trên thế giới.

Trong lĩnh vực quyền trẻ em, khi tham gia các điều ước quốc tế, Việt Nam luôn thể hiện chủ trương, quyết sách quan trọng trong việc bảo vệ trẻ em, tăng cường hợp tác quốc tế, cùng hợp tác để giải quyết các vấn đề chung về quyền trẻ em của khu vực và trên thế giới.

1.3.3.2. Việt Nam với việc phê chuẩn công ước quốc tế về LĐTE

Việt Nam đã tham gia các điều ước quốc tế quan trọng nhất về chống sử dụng LĐTE, bao gồm hai Công ước số 138, Công ước số 182 của ILO; Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em và hai Nghị định thư không bắt buộc bổ sung về chống bóc lột tình dục và văn hoá phẩm khiêu dâm trẻ em và về bảo vệ trẻ em trong xung đột vũ trang. Cam kết chính trị mạnh mẽ của Việt Nam trong việc giải quyết vấn đề LĐTE đã nhận được sự hỗ trợ tích cực của cộng đồng quốc tế, trong đó có ILO. Chương trình quốc tế về xoá bỏ LĐTE của ILO (IPEC) được bắt đầu tại Việt Nam từ năm 2000 với mục đích giúp Chính phủ Việt Nam biến những cam kết chính trị đó thành hành động.

1.3.3.3. Các công ước quốc tế về LĐTE

Trong số gần 200 công ước (và cũng khoảng từng đó khuyến nghị) của ILO ban hành từ năm 1919 (năm thành lập tổ chức này) đến nay, có gần 30 văn kiện đề cập đến việc bảo vệ trẻ em khỏi các hình thức bóc lột và lạm dụng sức lao động, trong đó có hai công ước cơ bản trực tiếp đề cập đến vấn đề ngăn ngừa, cấm và xoá bỏ LĐTE là *Công ước số 138 về tuổi lao động tối thiểu* (1973) và *Công ước số 182 về cấm và hành động ngay lập tức để xoá bỏ những hình thức LĐTE tồi tệ nhất* (1999). Trong phạm vi luận văn sẽ nghiên cứu hai Công ước nêu trên.

Luận văn chọn hai công ước này để nghiên cứu, làm sáng tỏ những vấn đề chung về LĐTE và pháp luật LĐTE ở Việt vì những lý do sau:

Thứ nhất, các văn bản pháp lí quốc tế mặc dù đã đề cập về LĐTE nhưng chưa xác lập được các cơ chế, nghĩa vụ mà các quốc gia phải thực hiện để đảm bảo quyền được bảo vệ cho trẻ em.

Thứ hai, các văn bản như Tuyên bố năm 1959 của Đại hội đồng Liên hợp quốc... không có giá trị pháp lý bắt buộc mà chỉ nêu lên những tư tưởng của quyền trẻ em để khuyến cáo hành động của các quốc gia.

Thứ ba, các văn bản pháp lý quốc tế chỉ đề cập quyền của trẻ em trong một số lĩnh vực (ví dụ: quyền đăng kí khai sinh, quyền được học tập...).

Thứ tư, việc bảo vệ quyền trẻ em nói chung, nhất là quyền trẻ em được bảo vệ không bị buộc phải lao động chỉ được quy định cụ thể, chi tiết ở Công ước 138, nhất là Công ước 182 của tổ chức lao động quốc tế.

a. Công ước số 138 của tổ chức lao động quốc tế về tuổi tối thiểu làm việc

Công ước quốc tế về độ tuổi lao động tối thiểu năm 1973 được Hội nghị toàn thể của Tổ chức Lao động quốc tế thông qua ngày 26/07/1973 và có hiệu lực từ ngày 19/6/1976 (Việt Nam gia nhập Công ước 138 ngày 09/6/2003). Mục tiêu của công ước, ràng buộc các quốc gia thành viên cam kết nhằm bảo đảm thật sự việc bãi bỏ LĐTE và nâng dần tuổi tối thiểu được đi làm việc hoặc được lao động tới độ tuổi mà các thiếu niên có thể phát triển đầy đủ nhất về thể lực và trí lực (Điều 1).

b. Công ước số 182 của ILO về Nghiêm cấm và hành động khẩn cấp xóa bỏ các hình thức LĐTE tồi tệ nhất

Công ước được Hội nghị toàn thể Tổ chức Lao động quốc tế thông qua ngày 17/06/1999 (Việt Nam phê chuẩn Công ước 182 tại Quyết định số 169/QĐ-CTN ngày 17/11/2000).

Một số hình thức LĐTE tồi tệ nhất được nêu tại các văn kiện quốc tế khác như: Công ước về lao động Cường bức (1930), và Công ước bổ sung của Liên Hợp Quốc về Xóa bỏ buôn bán nô lệ và các hình thức tương tự như nô lệ (1956).

Công ước lần đầu tiên xác định “*các hình thức LĐTE tồi tệ nhất*” gồm cả cấm việc cường bức sử dụng hay tuyển mộ trẻ em làm binh lính, yêu cầu các quốc gia thành viên hành động có hiệu quả ngay lập tức, chú ý đặc biệt đến các nhóm trẻ em đặc biệt, thúc đẩy sự hợp tác và hành động toàn cầu.

Công ước nhằm mục tiêu đặt ra cho các quốc gia thành viên phải áp dụng những biện pháp tức thời và hữu hiệu để đảm bảo việc cấm và loại bỏ những hình thức LĐTE tồi tệ nhất như một vấn đề khẩn cấp (Điều 1).

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Vấn đề LĐTE đã và đang thu hút sự quan tâm của hầu hết các quốc gia trên thế giới. Để bảo vệ trẻ em, trong khuôn khổ quốc tế, các quốc gia đã ký kết với nhau nhiều điều ước quốc tế. Công ước quốc tế là văn bản pháp lý quốc tế, do các quốc gia và chủ thể khác của luật quốc tế thoả thuận xây dựng nên, nhằm xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền và nghĩa vụ giữa họ với nhau, thông qua các quy phạm gọi là quy phạm điều ước. Trong số các điều ước quốc tế về bảo vệ trẻ em thì hai công ước quốc tế của tổ chức lao động quốc tế ILO (Công ước 138 về tuổi tối thiểu làm việc và Công ước 182 về nghiêm cấm và hành động khẩn cấp xoá bỏ hình thức LĐTE tồi tệ nhất) là văn bản pháp lý quy định cụ thể, trực tiếp nhất về vấn đề LĐTE, thu hút sự tham gia của nhiều quốc gia trên thế giới.

Việt Nam đã tham gia Công ước 138 vào ngày 09/6/2003 và công ước 182 vào ngày 17/11/2000. Cùng với pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia trong lĩnh vực này đã tạo cơ sở pháp lý vững chắc để bảo vệ trẻ em trong điều kiện hội nhập quốc tế hiện nay.

Chương 2 - THỰC TRẠNG LAO ĐỘNG TRẺ EM VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI VIỆT NAM KHI THỰC THI CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ VỀ LAO ĐỘNG TRẺ EM TRONG ĐIỀU KIỆN HỘI NHẬP QUỐC TẾ

2.1. Thực trạng LĐTE

2. 1.1. Tình hình LĐTE một số nước trên thế giới

*** LĐTE ở Ấn Độ**

Ấn Độ là nước có lực lượng LĐTE lớn nhất thế giới, theo thống kê của Chính phủ cho thấy Ấn Độ có hơn 11 triệu LĐTE dưới 14 tuổi; nhưng theo ông Kailash Satyarthi - Chủ tịch phong trào Bảo vệ tuổi thơ của Ấn Độ thì con số thực phải lên tới gần 60 triệu [32, 3].

Theo đạo luật LĐTE 1986 của Ấn Độ, cấm sử dụng trẻ em dưới 14 tuổi làm việc trong một số ngành công nghiệp "nguy hiểm" như sản xuất pháo hoa và kính. Nhưng các tổ chức bảo vệ trẻ em cho rằng đạo luật này không được thực hiện nghiêm chỉnh do nạn tham nhũng...

*** LĐTE ở Trung Quốc**

Một tổ chức lao động tại Hồng Kông công bố rằng: tình trạng sử dụng LĐTE tại Trung Quốc đang tràn lan khắp nước một cách có hệ thống và ngày càng trầm trọng thêm. Nguyên nhân của tệ nạn này nằm ở trong hệ thống giáo dục của Trung Quốc.

Khi vụ tai tiếng về sử dụng nô lệ lao động tại những lò gạch tại tỉnh Sơn Tây của Trung Quốc bị phát hiện, công chúng Trung Quốc đã bàng hoàng khi nghe tin một số những lao động bị bắt buộc phải làm việc trong những điều kiện phi nhân tính, đó chính là những đứa trẻ. *(Báo giới ước tính có ít nhất 1.000 trẻ, nhỏ nhất khoảng 8 tuổi, đã bị bỏ thuốc và bị bắt cóc gần các bến xe và sau đó bị bán cho các chủ lò gạch với giá 70 USD/em. Trẻ bị buộc phải làm không dưới 14 giờ/ngày trong điều kiện tồi tệ với khẩu phần ăn ít ỏi. Một số bị đánh đập tàn nhẫn. Có trẻ làm nô lệ tại các lò gạch đến 7 năm [32, 4].*

*** LĐTE ở Philippines**

Tại Philippines, đất nước gồm hơn 7.000 hòn đảo lớn nhỏ thì nghề đánh bắt cá là một phần quan trọng trong hoạt động kinh tế của Philippines. Do nghèo đói và tỉ lệ gia tăng dân số cao, LĐTE trong ngành đánh bắt cá là một hiện tượng phổ biến. Nhiều em nhỏ phải làm việc tới 8 giờ đồng hồ trong đêm, lặn dưới nước để bắt cá bằng vợt, các em phải lặn xuống độ sâu tới 15 mét mà không có thiết bị bảo vệ, các em khác phải tham gia những cuộc đánh bắt xa bờ mỗi chuyến từ 6 - 10 tháng.

*** LĐTE ở Pakistan**

Pakistan cũng là một trong những nước có số lượng LĐTE chiếm tỷ lệ cao, với 3,3 triệu LĐTE [32, 5]. Chúng không được hưởng những quyền cơ bản, hạn chế tiếp cận các dịch vụ xã hội, không được chăm chút về tinh cảm và không được phát huy sự phát triển về năng lực; chúng bị từ chối cả quyền được giáo dục...Chính vì vậy LĐTE là một vấn đề gây căng thẳng về kinh tế - xã hội và vấn đề quyền con người ở đất nước này.

2.1.2. Thực trạng LĐTE ở Việt Nam

• *Thực trạng LĐTE ở một số thành phố lớn*

▪ *Tình hình LĐTE ở Hà Nội*

Theo Lãnh đạo phòng Bảo vệ chăm sóc trẻ em, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Hà Nội, số trẻ em phải lao động sớm ở Hà Nội chủ yếu là ở các tỉnh khác đến. Điều kiện sinh hoạt của các em thường khá khó khăn, ngoài hình thức giúp việc gia đình thì lao động dưới các hình thức khác các em phải thuê nhà trọ, sinh hoạt với mức tiết kiệm tối đa.

▪ *Tình hình LĐTE ở thành phố Hồ Chí Minh*

Theo khảo sát của các quận huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, có 600 trẻ em lao động nặng nhọc trong điều kiện độc hại, nguy hiểm. Số LĐTE tập trung trên địa bàn làm các nghề may gia công, thợ càn xà cừ, cắt chỉ, làm dép, xấp giấy bạc mạ, may giày, bán vé số, phục vụ nhà hàng, sửa chữa xe, giúp việc nhà....

▪ *Tình hình LĐTE ở Đà Nẵng*

Trẻ em lao động nặng nhọc còn tồn tại khắp nơi tại Đà Nẵng, hầu hết đều núp bóng tự nguyện, người thân phụ giúp gia đình. Việc làm của các em không thường xuyên, không có ràng buộc bằng bất kỳ thoả thuận hoặc hợp đồng cụ thể nào.

▪ *Tình hình LĐTE ở Bình Định*

Theo báo cáo của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, hiện nay toàn tỉnh có hơn 550 trẻ em phải lao động sớm, trong đó có 34 em phải lao động trong điều kiện độc hại, nguy hiểm [32]. Hiện tại đang có xu hướng trẻ em bỏ các vùng nông thôn vào thành phố kiếm sống bằng nhiều nghề khác nhau như: phụ hồ, khuôn vác trái cây ở các chợ, bán vé số, đánh giày, bán báo, bán hàng rong, giúp việc gia đình, nhặt phế liệu, ăn xin.

▪ *LĐTE trong các làng nghề*

Những doanh nghiệp lao động nặng nhọc như xây dựng, điện lực, mỏ không phát hiện có lao động trẻ em; những doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cũng không sử dụng lao động trẻ em; trẻ em lao động chủ yếu trong những cơ sở thủ công, các làng nghề truyền thống như thêu ren (Thanh Hoá), may mặc (Long An), bóc hạt điều (Long An), Châm nón (Huế) và thủ công mỹ nghệ.

2.2. Thực trạng chính sách, pháp luật của Việt Nam về LĐTE

2.2.1. Thực trạng chính sách về LĐTE

Trong *Chương trình Việt Minh* với tư cách là một cương lĩnh vận động cách mạng tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền do Đảng cộng sản lãnh đạo được đưa ra trong những ngày tiền khởi nghĩa đã xác định học sinh, nhi đồng như hai tầng lớp nhân dân - lực lượng của cách mạng: đối với học sinh chính sách của Việt Minh là “bỏ học phí, mở thêm trường học, giúp đỡ học trò nghèo” Vắn nhất quán với tư tưởng về con người, về trẻ em, Đảng ta tại có thêm những điều kiện mới để chăm lo, giáo dục trẻ em.

Năm 1979, chính sách, đường lối của Đảng về trẻ em được cụ thể hoá trong “Pháp lệnh Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em”. Có thể coi Pháp lệnh này là một trong những nền tảng pháp lý đầu tiên cho công tác Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em (BVCSGDTE). Cho đến nửa cuối những năm 80, Đảng và Nhà nước ta tiến hành công cuộc đổi mới Nhà nước về nhiều phương diện. Việt Nam ban hành Luật Bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em năm 1991, Luật Phổ cập giáo dục tiểu học năm 1991, Luật Giáo dục 1998 nhằm cụ thể hoá các quy định của Công ước vào hệ thống pháp luật quốc gia.

2.2.2. Thực trạng pháp luật Việt Nam về LĐTE

2.2.2.1. Các văn bản pháp luật có liên quan đến LĐTE

Vấn đề LĐTE đã được Đảng và Nhà nước ta quan tâm từ rất sớm. Ngay từ sau khi giành được chính quyền, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh 29/SL ngày 12/3/1947 quy định các xưởng kỹ nghệ, hầm mỏ không được mướn trẻ em dưới 12 tuổi vào làm việc.

Pháp lệnh Hợp đồng lao động năm 1990, Pháp lệnh Bảo hộ lao động năm 1991, Nghị định 233/HĐBT ngày 26/6/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) có quy định độ tuổi tham gia quan hệ lao động của lao động chưa thành niên, giới hạn cho phép được làm một số công việc nhất định phù hợp với khả năng, sức khỏe của lao động chưa thành niên, đồng thời quy định trách nhiệm của người sử dụng lao động trong quá trình sử dụng lao động chưa thành niên, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi.

Nghị định số 374/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) ngày 14/11/1991 quy định chỉ được sử dụng LĐTE trong độ tuổi quy định làm những công việc mà Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

Bộ luật Lao động được Quốc hội thông qua ngày 13/6/1994 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/1995 (sửa đổi năm 2002, 2006, 2007) quy định những điều khoản về lao động chưa thành niên.

Các văn bản hướng dẫn luật có Thông tư số 09/TT-LB ngày 13/4/1995 của Liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài Y tế quy định điều kiện lao động có hại và các công việc cấm sử dụng lao động chưa thành niên để bảo vệ sự phát triển về thể lực, trí lực, nhân cách và đảm bảo an toàn lao động cho người chưa thành niên.

Bên cạnh đó, Nhà nước còn ban hành hàng loạt văn bản hướng dẫn Bộ luật Lao động có liên quan đến LĐTE khác.

2.2.2.2. Các văn bản pháp luật có liên quan trực tiếp đến LĐTE

a. Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em

Về độ tuổi: trẻ em là công dân Việt nam dưới 16 tuổi (Điều 1).

Những nguyên tắc về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em: Không phân biệt đối xử với trẻ em (Điều 4); Trong mọi hoạt động của cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân có liên quan đến trẻ em thì lợi ích của trẻ em phải được quan tâm hàng đầu (Điều 5); trách nhiệm bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em là của gia đình, nhà trường, Nhà nước, xã hội và công dân (Điều 5); Các quyền của trẻ em phải được tôn trọng và thực hiện. Mọi hành vi vi phạm quyền của trẻ em, làm tổn hại đến sự phát triển bình thường của trẻ em đều bị nghiêm trị theo quy định của pháp luật (Điều 6);

Các hành vi bị nghiêm cấm: Trong 10 nhóm hành vi bị nghiêm cấm (Điều 7), có ba nhóm hành vi liên quan đến LĐTE và những công việc nặng nhọc, điều kiện lao động độc hại, nguy hiểm, những công việc ảnh hưởng đến sức khỏe, nhân cách của các em: Dụ dỗ, lừa dối, ép buộc trẻ em mua, bán, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy; lôi kéo trẻ em đánh bạc; bán, cho trẻ em sử dụng rượu, bia, thuốc lá, chất kích thích khác có hại cho sức khỏe; Dụ dỗ, lừa dối, dẫn dắt, chứa chấp, ép buộc trẻ em hoạt động mại dâm; xâm hại tình dục trẻ em; Lạm dụng LĐTE, sử dụng trẻ em làm công việc nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với chất độc hại, làm những công việc khác trái với quy định của pháp luật về lao động;

b. Bộ luật lao động

Bộ luật lao động nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được ban hành lần đầu năm 1994, sửa đổi năm 2002, 2006, 2007. Trong Bộ luật Lao động dành riêng một mục trong Chương XI quy định riêng về Lao động chưa thành niên. Về nguyên tắc, Bộ luật Lao động nghiêm cấm việc lạm dụng sức lao động của người chưa thành niên (Điều 119).

Về độ tuổi lao động: Người lao động chưa thành niên là người lao động dưới 18 tuổi (Điều 119).

Về thời giờ làm việc: Thời giờ làm việc của người lao động chưa thành niên không được quá bảy giờ một ngày hoặc 42 giờ một tuần; Người sử dụng lao động chỉ được sử dụng người lao động chưa thành niên làm thêm giờ, làm việc ban đêm trong một số nghề và công việc do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định (Điều 122).

Về Danh mục các điều kiện có hại và các công việc cấm sử dụng lao động chưa thành niên: Liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế đã ban hành **Thông tư liên tịch số 09/TT-LB ngày 13/9/1995**. Theo Thông tư số 09, có 13 điều kiện lao động có hại, cấm sử dụng lao động chưa thành niên; 81 nhóm công việc cấm sử dụng lao động chưa thành niên.

Về Danh mục nghề, công việc và các điều kiện được nhận trẻ em chưa đủ 15 tuổi vào làm việc: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành **Thông tư số 21/1999/TT - BLĐTBXH ngày 11/9/1999**. Theo đó, có 04 nhóm nghề, công việc được nhận trẻ em chưa đủ 15 tuổi vào làm việc; 08 nhóm điều kiện để được nhận trẻ em chưa đủ 15 tuổi vào làm việc.

Ngoài ra, nhằm hạn chế những ảnh xấu đến sự phát triển toàn diện về thể lực, trí tuệ và nhân cách của người lao động dưới 18 tuổi, Liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế đã ban hành **Thông tư liên tịch số 21/2004/TTLT - BLĐTBXH - BYT ngày 09/12/2004** hướng dẫn, quy định danh mục chỗ làm việc, công việc không được sử dụng lao động dưới 18 tuổi trong các cơ sở kinh doanh

dịch vụ dễ bị lợi dụng để hoạt động mại dâm. Theo đó có 04 loại hình cơ sở kinh doanh dịch vụ; 12 loại chỗ làm việc; 18 loại công việc không được sử dụng lao động dưới 18 tuổi.

Về xử lý các hành vi vi phạm: Để các quy định nghiêm cấm nêu trên được nghiêm chỉnh thực hiện, song song với việc tuyên truyền, giáo dục, cần có các chế tài nghiêm khắc, nhằm răn đe, xử lý đối với những hành vi vi phạm. Các biện pháp xử lý bao gồm: biện pháp hình sự, biện pháp hành chính, cụ thể:

- *Biện pháp hình sự: Biện pháp này được quy định trong Bộ luật hình sự năm 1999.*
- *Biện pháp hành chính: Biện pháp này được quy định trong Nghị định số 113/2004/NĐ-CP ngày 16/4/2004 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính về hành vi vi phạm pháp luật lao động⁽¹⁾ và Nghị định số 114/2006/NĐ-CP ngày 03/10/2006 quy định xử phạt hành chính về dân số và trẻ em⁽²⁾*

c. Luật Bình đẳng giới

Bình đẳng giới là việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó.

Luật bình đẳng giới nghiêm cấm các hành vi: Cản trở nam, nữ thực hiện bình đẳng giới; Phân biệt đối xử về giới dưới mọi hình thức; Bạo lực trên cơ sở giới...;

Về xử phạt hành chính các hành vi vi phạm về bình đẳng giới: Để xử lý những hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới, ngày 10/6/2009, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 55/2009/NĐ - CP quy định xử phạt vi phạm hành chính về bình đẳng giới. Theo đó, các hành vi vi phạm hành chính về bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động sẽ bị xử phạt.

2.2.2.3. Nhận xét các quy định của pháp luật Việt Nam về LDTE

- *Về độ tuổi của trẻ em và tuổi tối thiểu được nhận vào làm việc*

Các quy định về độ tuổi được coi là trẻ em, người lao động hay người lao động vị thành niên không khác những quy định của quốc tế mà nước ta đã phê chuẩn.

Xuất phát từ tình hình thực tế trên mà pháp luật của nước ta có thể điều chỉnh nhằm tạo những thuận lợi tốt nhất cho trẻ em mà không vi phạm luật pháp quốc tế.

- *Về việc giao kết hợp đồng lao động*

Mọi trẻ em muốn làm việc phải có sức khỏe phù hợp với công việc, có giao kết hợp đồng lao động, tức là phải có sự thỏa thuận đồng ý của các em. Đồng thời người dưới 15 tuổi vào làm các công

(1) NĐ 113/2004/NĐ - CP đang tiến hành sửa đổi bổ sung, một trong những chủ trương là nâng mức phạt tiền để đảm bảo tính răn đe.

(2) Nghị định số 114/2006/NĐ - CP đang trong quá trình SĐBS theo hướng tách riêng việc xử lý hành vi vi phạm hành chính về trẻ em thuộc thẩm quyền của TTr Bộ LĐTBXH, hành vi vi phạm về Dân số thuộc thẩm quyền của TTr Bộ Y tế; đồng thời tăng mức phạt tiền.

việc được phép thì phải có sự đồng ý bằng văn bản và theo dõi của cha mẹ hay người đỡ đầu của em đó (Nghị định 198/CP).

- *Các quy định cấm và ràng buộc đối với người sử dụng lao động*

Pháp luật Việt Nam đã có những quy định rất cụ thể về trách nhiệm của người sử dụng lao động chưa thành niên vào những công việc phù hợp với sức khỏe để đảm bảo sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của trẻ; phải thực hiện nghiêm chỉnh những quy định về chế độ lao động, đồng thời phải có sổ theo dõi riêng ghi đầy đủ họ tên ngày sinh và công việc đang làm và phải theo dõi kết quả những lần kiểm tra định kỳ sức khỏe và xuất trình khi thanh tra lao động yêu cầu. Ngoài tiền lương và các chế độ khác ra, người sử dụng lao động phải có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc về mặt lao động, sức khỏe và học tập của trẻ em trong quá trình lao động (Bộ luật lao động).

2.3. Đánh giá thực trạng LĐTE, pháp luật LĐTE khi Việt Nam phê chuẩn các công ước quốc tế về LĐTE

2.3.1. Những kết quả đạt được

Một là, hệ thống giáo dục quốc dân khá hoàn chỉnh được phát triển, bao gồm đủ các cấp học, bậc học dưới nhiều hình thức theo hướng xã hội hóa như công lập, dân lập và tư thục; cơ sở vật chất cho phát triển giáo dục được tăng cường.

Hai là, công tác chăm sóc sức khỏe trẻ em ngày càng được cải thiện. Mạng lưới y tế cơ sở được củng cố và nâng cấp.

Ba là, nhận thức của trẻ em và người chưa thành niên đã từng bước được nâng cao.

Bốn là, trong những năm qua, gia đình, cộng đồng và Nhà nước luôn luôn quan tâm, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, tạo điều kiện cho các em phát triển đầy đủ thể chất và tinh thần. Nhiều em đã được hưởng các chính sách, chế độ và nhận nuôi dưỡng.

Về mặt pháp luật, từ khi phê chuẩn Công ước quốc tế về LĐTE, Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản pháp luật để cụ thể hoá các quy định của Công ước: Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 1991 (sửa đổi, bổ sung năm 2004); Bộ Luật Hình sự năm 1999 quy định về các tội danh liên quan đến sử dụng LĐTE, tội lôi kéo, sử dụng trẻ em vào các hoạt động bất hợp pháp như ma túy, mại dâm ...; Bộ Luật lao động năm 1994 (sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007) quy định cấm sử dụng người lao động chưa thành niên làm những công việc nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với các chất độc hại hoặc chỗ làm việc, công việc ảnh hưởng xấu tới nhân cách của họ...

2.3.2. Những khó khăn, tồn tại

Thứ nhất, việc xác định trẻ em lao động nặng nhọc, trong điều kiện độc hại và nguy hiểm là vấn đề khó khăn do sự chuyển đổi nhanh của đối tượng tham gia lao động, năm nay là trẻ em nhưng năm sau đã vượt quá ranh giới đó.

Thứ hai, hầu hết các tỉnh đều báo cáo không có trẻ em lao động nặng nhọc trong điều kiện độc hại, nguy hiểm và trên thực tế khó xác định rõ ràng vấn đề này.

Thứ ba, trong việc quản lý, do phân định rạch ròi việc trẻ em lao động sớm và lao động nặng nhọc nên các biện pháp can thiệp cũng khó xác định.

Thứ tư, các hoạt động như xây dựng các mô hình dạy nghề và giải quyết việc làm cho trẻ em và gia đình trẻ em phải lao động nặng nhọc được xây dựng tại Hà Nam, Thái Nguyên, Ninh Bình, Long An và Vĩnh Long. Tuy nhiên những đối tượng này phần lớn thuộc các gia đình có hoàn cảnh hết sức khó khăn nên việc tổ chức dạy nghề cho các em cũng như động viên gia đình chuyển đổi ngành nghề còn nhiều bất cập, do vấn đề quyết toán kinh phí ở đây rất chặt chẽ.

Thứ năm, kiến thức pháp luật lao động về trẻ em của chủ sử dụng lao động còn hạn chế, dẫn đến nhận thức không đúng hoặc nhận thức chưa đầy đủ về sử dụng LĐTE, do vậy trong quá trình sử dụng LĐTE tại cơ sở đã có những vi phạm về quyền trẻ em.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Hiện tại, vấn đề ngăn ngừa và xoá bỏ lao động trẻ em được đề cập trong nhiều văn bản pháp luật của Việt Nam, quan trọng nhất là trong Bộ luật Lao động. Tương ứng với các tiêu chuẩn cơ bản trong các Công ước số 138 và Công ước số 182 của ILO, Bộ luật Lao động (2002) quy định: Độ tuổi lao động tối thiểu là 15 (với những công việc nặng nhọc, độc hại là 18); Chỉ được nhận trẻ em dưới 15 tuổi vào làm một số nghề, công việc với những điều kiện chặt chẽ; Cấm sử dụng người lao động chưa thành niên làm những công việc nặng nhọc, nguy hiểm, tiếp xúc với các chất độc hại hoặc ảnh hưởng xấu tới nhân cách... Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục Trẻ em (2004) nghiêm cấm một loạt hành vi bóc lột, lạm dụng hoặc xô đẩy trẻ em vào hoàn cảnh bị bóc lột, lạm dụng. Bộ luật Hình sự (1999) quy định nhiều tội danh về sử dụng lao động trẻ em với các mức hình phạt nghiêm khắc. Nhằm phòng ngừa lao động trẻ em, Luật phổ cập giáo dục tiểu học (1991) và Luật Giáo dục (2004) quy định chi tiết về quyền học tập của trẻ em, đặc biệt là quyền được học tiểu học miễn phí... Bên cạnh đó, từ năm 1991, Chính phủ Việt Nam đã triển khai nhiều chương trình có tác dụng ngăn ngừa và xoá bỏ tình trạng lao động trẻ em, như Chương trình Hành động Quốc gia vì trẻ em Việt Nam giai đoạn 2001-2010; Chương trình ngăn ngừa và giải quyết tình trạng trẻ em lang thang, trẻ em bị xâm phạm tình dục và trẻ em phải lao động nặng nhọc, trong điều kiện độc hại, nguy hiểm giai đoạn 2004-2010; Chương trình hành động quốc gia chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em giai đoạn 2004-2010... Các chương trình trên đã huy động được sự tham gia của các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội, cộng đồng và cá nhân có liên quan vào việc ngăn ngừa và xoá bỏ lao động trẻ em.

Xét tổng quát, pháp luật Việt Nam đã phù hợp với những tiêu chuẩn quốc tế cơ bản về lao động trẻ em; tuy vẫn còn một số tồn tại, với quyết tâm mạnh mẽ và sức mạnh đoàn kết nhất trí của toàn hệ thống chính trị với việc giải quyết vấn đề lao động trẻ em, những hạn chế này chắc chắn sẽ sớm được khắc phục trong thời gian tới.

Chương 3 - MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ LAO ĐỘNG TRẺ EM TRONG ĐIỀU KIỆN HỘI NHẬP QUỐC TẾ

3.1. Mục tiêu, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta trong giải quyết vấn đề LĐTE

Vấn đề lao động trẻ em đã được Đảng và Nhà nước Việt Nam quan tâm ngay từ khi mới giành được chính quyền, điều đó được thể hiện qua việc ban hành một loạt các văn bản về lao động trẻ em. Sắc lệnh số 29/SL ban hành ngày 12/3/1947 của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã quy định các xưởng kỹ nghệ, hầm mỏ không được mướn trẻ em dưới 12 tuổi vào làm việc.

Trong những năm của thời kỳ đổi mới, Nhà nước ta đã ban hành một loạt các văn bản pháp luật về lao động trẻ em. Đặc biệt Bộ Luật Lao động được Quốc hội thông qua ngày 13/6/1994 đã kế thừa, tổng hợp và phát huy các văn bản pháp luật trước đó, đồng thời đã đưa ra các quy định mới đối với lao động chưa thành niên. Những văn bản hướng dẫn thực hiện Bộ Luật Lao động cũng đã được ban hành tạo hành lang pháp lý khá đầy đủ cho việc bảo vệ lao động chưa thành niên và lao động trẻ em ở nước ta.

3.2. Một số giải pháp nhằm hạn chế và chấm dứt tình trạng trẻ em phải làm việc nặng nhọc trong môi trường độc hại, nguy hiểm ở Việt Nam

3.2.1. Hoàn thiện chính sách, pháp luật về LĐTE

a. Hoàn thiện chính sách nhằm ngăn ngừa LĐTE

Tăng cường chính sách kinh tế để hỗ trợ thúc đẩy phát triển cho những người nghèo; Bổ sung chính sách trợ giúp cho trẻ em những gia đình quá nghèo; Cần bổ sung Luật phổ cập giáo dục đến cấp trung học cơ sở vì hiện nay Luật phổ cập giáo dục tiểu học mới chỉ bao trùm được số trẻ em đến 11 tuổi, những lứa tuổi sau đó còn thả nổi..

b. Hoàn thiện hệ thống pháp luật nhằm bảo vệ trẻ em lao động

Xây dựng chính sách khuyến khích cung cấp dịch vụ bảo vệ và phục hồi. Trong lúc chưa có điều kiện đưa lao động trẻ em ra khỏi chỗ làm việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thì cần có những chính sách đặc biệt để giảm thiểu các tác động xấu, độc hại cho các em như cung cấp các dịch vụ y tế, giáo dục cơ bản.

c. Hệ thống pháp luật về LĐTE cần thống nhất khái niệm, phân loại trẻ em làm việc với LĐTE phù hợp

Theo Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF) thì khái niệm về lao động trẻ em mang tính bóc lột khi: Công việc trọn thời gian, làm việc ở một tuổi quá sớm; phải làm việc quá nhiều giờ; công việc gây ra những căng thẳng thái quá về mặt thể chất, xã hội hay tâm lý; lao động và sống ngoài đường trong những điều kiện xấu; không được trả công đầy đủ; phải chịu trách nhiệm quá nhiều; công việc làm cản trở việc học hành; công việc làm hạ thấp nhân phẩm và lòng tự trọng của trẻ em, như làm nô lệ hay lao động cưỡng ép và bóc lột tình dục; công việc có hại đến việc phát triển toàn diện về mặt xã hội và tâm lý.

Tại Việt Nam các công việc của trẻ em thường làm có thể phân thành 3 loại: trẻ em làm các công việc giúp đỡ cha mẹ hoặc làm việc theo sự phân công của cha mẹ (thường gọi là trẻ em lao động); trẻ em lang thang tự kiếm sống như đánh giày, bán báo, bới rác... (không có quan hệ lao động); trẻ em đi làm thuê cho các chủ sử dụng lao động (có quan hệ lao động). Trong đó chỉ có các hoạt động lao động thuộc loại công việc thứ 3 ở trên mới là quan hệ lao động và thuộc đối tượng điều chỉnh của Bộ Luật Lao động.

3.2.2. Đẩy mạnh công tác giáo dục pháp luật và tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật có liên quan đến vấn đề LĐTE

a. Đẩy mạnh công tác giáo dục pháp luật

Tổ chức tuyên truyền giáo dục thường xuyên và các chiến dịch truyền thông rộng khắp trong cả nước cũng như các vùng trọng điểm, các nhóm đối tượng trọng điểm nhằm nâng cao hiểu biết, ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ của mọi cấp, mọi ngành, cộng đồng và mọi gia đình đối với công tác bảo vệ trẻ em.

b. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật có liên quan đến vấn đề LĐTE

Để có thể tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trong việc thực hiện các quy định của pháp luật có liên quan đến lao động trẻ em thì lực lượng Thanh tra nhà nước nói chung và Thanh tra Lao động - Xã hội nói riêng phải đảm bảo đủ về số lượng, mạnh về chất lượng.

3.2.2. Giải pháp về chính sách xã hội

a. Cần tổ chức các hoạt động cộng đồng hoặc các hình thức tổ chức chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn

Tập trung vào đối tượng là lao động trẻ em thông qua các mô hình chăm sóc hay tư vấn cho các em. Cần thiết phải có quỹ hỗ trợ để gia đình nghèo có thể được vay vốn, tổ chức lao động phù hợp và bổ ích tạo thu nhập ngay tại cộng đồng.

b. Xã hội hóa công tác bảo vệ trẻ em

Việc xã hội hóa công tác bảo vệ trẻ em bao gồm một hệ thống các hoạt động như cải thiện sự hiểu biết của trẻ em về những công việc nguy hiểm, gia tăng sự hiểu biết của các bậc cha mẹ về sự mất mát vốn con người có thể có khi con em họ đi làm, và thay đổi hướng tập trung của công nhân làm luật, cải thiện sự hiểu biết về vấn đề LĐTE sẽ dẫn đến sự hợp tác giữa chính quyền địa phương và chính phủ để gia tăng áp lực lên các nhà tuyển dụng.

c. Hợp tác với các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ để nhận được sự hỗ trợ về kinh nghiệm, kinh phí và kỹ thuật trong việc ngăn ngừa, bảo vệ và giúp đỡ LĐTE

Những tổ chức này có vai trò quan trọng trong việc nâng cao mức độ quan tâm của cộng đồng cũng như việc bảo vệ trẻ em. Sự độc lập của các tổ chức này cho phép họ có thể can thiệp vào vấn đề lạm dụng lao động trẻ em mà không chịu áp lực chính trị.

d. Tăng cường sự tham gia của tổ chức công đoàn vào giải quyết vấn đề LĐTE

Công đoàn có thể giám sát các điều kiện làm việc của trẻ em và tố cáo sự lạm dụng lao động trẻ em; thông tin cho người lao động những kiến thức quan trọng, bảo vệ người lao động đấu tranh chống lại việc làm nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với trẻ em và ngăn không cho các em tham gia sớm vào thị trường lao động.

e. Đẩy nhanh công cuộc xóa đói giảm nghèo

Việc xóa đói, giảm nghèo sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các gia đình nghèo thoát khỏi hố sâu của sự bất lực và đó là yếu tố cơ bản cần thiết để mang lại những thay đổi lâu dài đối với vấn đề lao động trẻ em.

f. Giáo dục trẻ em

Các giải pháp hướng đến việc gia tăng sự tham gia vào các lớp học tiểu học cũng nhận được nhiều sự hỗ trợ, đặc biệt nếu được lồng vào các chiến lược xóa đói, giảm nghèo. Những giải pháp này tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển nguồn nhân lực với những lợi ích thiết thực cho cả cá nhân và xã hội.

3.2.3. Cần xóa bỏ các hình thức lạm dụng LĐTE thông qua các giải pháp “phi luật pháp”

Bên cạnh các giải pháp về pháp luật, các cơ chế chủ yếu để giải quyết vấn đề LĐTE bao gồm các giải pháp có liên quan đến thương mại. Đó là việc vận động người tiêu dùng phản đối việc các doanh nghiệp sử dụng LĐTE để sản xuất hàng hoá.

3.3. Một số biện pháp nhằm đảm bảo thực hiện giải pháp

3.3.1. Đối với các địa phương có ngành nghề truyền thống

- Tổ chức tuyên truyền về Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em, Bộ luật Lao động, Luật Giáo dục; vận động các gia đình dành thời gian thích đáng cho con em học tập.

- Phối hợp với cơ quan lao động của các quận, huyện để xây dựng một số quy định chung nhất về dạy nghề, học nghề, về quản lý lao động của trẻ em phù hợp với đặc thù của từng ngành nghề truyền thống của địa phương mình.

- Tổ chức, quản lý nắm chắc số trẻ em đang học nghề và lao động trên địa bàn. Thực hiện chế độ báo cáo tình hình sử dụng LĐTE lên cơ quan lao động.

3.3.2. Đối với cơ quan quản lý nhà nước về lao động, trẻ em cấp quận, huyện; cấp tỉnh, thành phố

- Coi trọng trách nhiệm nắm tình hình và quản lý vấn đề LĐTE, xác định đây là một trong những nội dung về quản lý lao động nói chung trên địa bàn thành phố.

- Phổ biến và hướng dẫn cho các doanh nghiệp và hộ sản xuất kinh doanh hiểu các quy định của pháp luật về LĐTE.

- Định kỳ tổ chức kiểm tra, thanh tra và xử lý những trường hợp cố ý vi phạm pháp luật; áp dụng các biện pháp ngăn ngừa việc lạm dụng sức lao động của trẻ em hoặc núp dưới danh nghĩa học nghề để bóc lột sức lao động của trẻ em.

3.3.3. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố

- Đối với các khu vực có ngành nghề truyền thống cần được bảo tồn và phát triển, chính quyền cấp tỉnh, thành phố có chính sách và biện pháp tổ chức để giúp cho việc truyền nghề và học nghề đi đúng hướng, có chất lượng.

- Có chủ trương dành một phần vốn vay hỗ trợ việc làm để cho các gia đình gặp khó khăn về đời sống.

3.3.4. Đối với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cần nghiên cứu và có quy định cụ thể về các loại hình lao động, mức độ nặng nhọc đối với trẻ em tham gia lao động.

- Có một cuộc điều tra, khảo sát tổng thể tình hình trẻ em lao động và sử dụng LĐTE.

- Có quy định cụ thể về nghĩa vụ công dân trong việc tích cực tham gia đấu tranh phòng ngừa, phát hiện và báo cáo các trường hợp sử dụng LĐTE trái phép, có hành vi xâm hại và bóc lột trẻ em. Đồng thời có quy định cụ thể trách nhiệm của chính quyền và các tổ chức đoàn thể ở địa phương trong việc tuyên truyền, ngăn chặn, phát hiện và xử lý các vi phạm về sử dụng trẻ em lao động sai pháp luật theo một quy trình tác nghiệp.

- Phát triển mạng lưới dịch vụ, đặc biệt dịch vụ công để tiếp nhận thông tin, báo cáo, tư vấn, hỗ trợ trẻ em trong hoàn cảnh đặc biệt.

- Xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ bổ sung biên chế cán bộ chuyên trách về lao động, xã hội ở xã, phường, thị trấn để quản lý, theo dõi, thực hiện các chính sách về lao động, thương binh và xã hội; xem xét tăng biên chế cho thanh tra chuyên ngành lao động, xã hội; đưa chương trình bảo vệ trẻ em thành Chương trình mục tiêu quốc gia.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Việt Nam đã sớm phê chuẩn Công ước liên quan đến trẻ em. Bên cạnh việc ban hành các chính sách về trẻ em, Việt Nam đã có Chương trình Quốc gia về ngăn chặn và loại bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất. Ngoài ra, Việt Nam đã tiến hành tuyên truyền rộng rãi, mạnh mẽ về pháp luật và những mô hình điển hình về bảo vệ trẻ em, chống lao động trẻ em.

Nguyên nhân dẫn đến trẻ em phải lao động sớm trước hết là kinh tế gia đình thu nhập thấp, không đảm bảo điều kiện sống tối thiểu dẫn đến trẻ phải kiếm sống trợ giúp gia đình. Một nguyên nhân khác là do nhận thức của cha mẹ, các cấp ngành về vấn đề lao động trẻ em và nguyên nhân cuối cùng là do chính ý thức của bản thân các em.

Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đã đề ra một số giải pháp cơ bản để giải quyết triệt để vấn đề lao động trẻ em như phát triển kinh tế, xoá đói giảm nghèo; hoàn thiện và tổ chức thực hiện tốt hệ thống pháp luật liên quan đến lao động trẻ em; tăng cường công tác vận động, tuyên truyền nhằm góp phần nâng cao nhận thức của mọi thành phần trong xã hội về việc ngăn chặn lao động trẻ em; hỗ trợ các em có hoàn cảnh đặc biệt trong việc học văn hoá, học nghề; đồng thời tăng cường sự phối hợp của các ngành, tổ chức, cơ quan để theo dõi, ngăn ngừa và hạn chế trẻ em lao động sớm; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và phát hiện hành vi vi phạm quyền trẻ em, xử lý kịp thời và nghiêm khắc các vi phạm.

Từ năm 2000, ILO đã hỗ trợ và tham gia nhiều hoạt động trong lĩnh vực ngăn chặn và loại bỏ tình trạng lao động trẻ em ở Việt Nam. Thời gian tới, ILO sẽ hỗ trợ Việt Nam nghiên cứu đánh giá tình trạng lao động trẻ em, tìm cách hỗ trợ sinh kế cho trẻ. ILO cũng sẽ tiếp tục dự án "Vận động nâng cao nhận thức về xoá bỏ những hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất và cung cấp cơ hội học tập cho trẻ em lao động", cung cấp thông tin và chia sẻ thông tin nhằm làm rõ những định hướng chiến lược cho các hoạt động về vấn đề nói trên trong tương lai.

KẾT LUẬN CHUNG

Nhận thức rằng, vấn đề LĐTE không thể giải quyết trong một sớm một chiều; không chỉ của một quốc gia đơn lẻ; cũng không chỉ bằng một biện pháp, một chính sách nào đó mà đòi hỏi sự chung tay của cả cộng đồng quốc tế. Đối với mỗi quốc gia, đòi hỏi có một chính sách pháp luật đồng bộ, phù hợp và có hiệu lực, cũng cần phải có một bộ máy cơ quan thực quyền, thường xuyên theo dõi, giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các chính sách pháp luật về xoá bỏ LĐTE mà hành động tức thời là loại bỏ những hình thức lao động tồi tệ nhất.

Trong giai đoạn vừa qua, với sự nỗ lực của các nhà hoạch định chính sách, sự nỗ lực của các cơ quan lập pháp, lập quy, Việt Nam đã bước đầu hình thành một hệ thống chính sách pháp luật tương đối đầy đủ, đồng bộ. Song song với việc xây dựng, ban hành hệ thống chính sách pháp luật, Việt Nam cũng đã xác nhận cơ quan có trách nhiệm chính trong việc theo dõi, giám sát, kiểm tra, thanh tra việc tuân thủ các chính sách pháp luật đã được ban hành, với mục đích ngăn ngừa và từng bước xoá bỏ tình trạng LĐTE.

Tuy nhiên, để “cuộc chiến xoá bỏ tình trạng LĐTE” đạt hiệu quả như mong muốn, đòi hỏi các nhà hoạch định chính sách, sự nỗ lực của các cơ quan lập pháp, lập quy tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật. Đồng thời, đòi hỏi cơ quan có trách nhiệm trong việc theo dõi, giám sát, kiểm tra, thanh tra việc tuân thủ các chính sách pháp luật cần tăng cường; hoạt động kiểm tra, thanh tra, xử lý đối với những hành vi sử dụng LĐTE trở thành hoạt động thường xuyên, với hy vọng tình trạng LĐTE ở Việt Nam sớm được xoá bỏ.

Vấn đề LĐTE không thể giải quyết trong một sớm một chiều; không chỉ của một quốc gia đơn lẻ; cũng không chỉ bằng một biện pháp, một chính sách nào đó mà đòi hỏi sự chung tay của cả cộng đồng quốc tế. Đối với mỗi quốc gia, đòi hỏi có một chính sách pháp luật đồng bộ, phù hợp và có hiệu lực, cũng cần phải có một bộ máy cơ quan thực quyền, thường xuyên theo dõi, giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các chính sách pháp luật về xoá bỏ LĐTE mà hành động tức thời là loại bỏ những hình thức lao động tồi tệ nhất.

Luận văn hoàn thành với hơn 100 trang, 2 biểu số liệu để minh hoạ và cụ thể hoá các vấn đề cần trình bày. Tuy nhiên, do giới hạn phạm vi nghiên cứu, luận văn mới chỉ tập trung giải quyết một số vấn đề cơ bản nhất trong việc đánh giá thực trạng LĐTE ở một số địa phương, đánh giá chính sách, pháp luật LĐTE ở một số ngành luật đặc thù. Vì vậy, cần có một số công trình khác nghiên cứu bổ sung những vấn đề có liên quan đến toàn bộ nội dung này.

Luận văn được giải quyết với hy vọng đóng góp một phần vào việc giúp các cơ quan quản lý nhà nước và các cơ quan có liên quan có biện pháp hữu hiệu nhằm ngăn ngừa và hạn chế tình trạng trẻ em phải lao động sớm, vừa đảm bảo thực hiện được chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về LĐTE, vừa thực hiện tốt công tác bảo vệ trẻ em ở Việt Nam trong điều kiện hội nhập quốc tế. Mặc dù đã hết sức cố gắng nhưng do thời gian và khả năng có hạn, luận văn khó tránh khỏi những thiếu sót. Tác giả rất mong nhận được sự đóng góp tham gia ý kiến của các nhà khoa học và tất cả những người quan tâm đến vấn đề này để có điều kiện phát triển trong các luận văn tiếp theo ở bậc học cao hơn./.